TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 11 – 2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Hoàng.

2. Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Bảo Trân – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 298/2024/TLST - HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Cái Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồng Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp Cái Đ, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Thị N và anh Hồng Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 7năm 2023, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo chị N trình bày là do lối sống của vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra cải vã, từ đó đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc. Riêng anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N đi làm thuê ở tỉnh Đồng Nai và có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, hiện anh chị đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị N và anh T xác định không còn tình cảm với nhau nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh T cũng đồng ý.

Về con chung, chị Phạm Thị N và anh Hồng Văn T khai có ba người con là Hồng Như Huỳnh, sinh ngày 28/02/2004, Hồng Nhật Phương, sinh ngày 20/11/2006 và Phạm Hồng Thị Bích Vân, sinh ngày 25/8/2016 (lấy họ mẹ). Hiện cháu Huỳnh đã có gia đình, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn, anh chị không đặt ra yêu cầu gì. Đối với cháu Phương, cháu Vân hiện đang chung sống cùng với anh T. Khi ly hôn, cả hai cùng yêu cầu được nuôi con, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, chị N xác định giữa chị và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng anh T khai nhận, giữa anh với chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung, chị Phạm Thị N và anh Hồng Văn T khai không có.

Đồng thời, chị Phạm Thị N (nguyên đơn) có đơn yêu cầu không mở phiên họp hòa giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt với lý do hiện chị đang làm thuê tại Bình Dương, điều kiện công việc cũng như đi lại khó khăn. Đối với anh Hồng Văn T (bị đơn), đã có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và xin vắng mặt trong các lần Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án với lý do bận nhiều công việc gia đình và phải đưa rước các con đi học ngày 02 buổi nên không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn cùng bị đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin hòa giải, xét xử vắng mặt với lý do bận công việc làm ăn, công việc gia đình nên không tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của các đương sự.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Nay các đương sự cùng đồng ý chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn. Xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà các đương sự không còn tình cảm với nhau. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa các đương sự không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung là Hồng Như Huỳnh, sinh ngày 28/02/2004, Hồng Nhật Phương, sinh ngày 20/11/2006 và Phạm Hồng Thị Bích Vân, sinh ngày 25/8/2016 (lấy họ mẹ). Hiện cháu Huỳnh đã có gia đình, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Phương, cháu Vân hiện tuy các đương sự không thỏa thuận được việc nuôi con và các cháu có nguyện vọng được chung sống với nguyên đơn nhưng tại đơn xin vắng mặt đề ngày 19/10/2024, nguyên đơn xác định hiện nay đang đi làm thuê tại Bình Dương, điều kiện công việc, điều kiện đi lại khó khó khăn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về điều kiện học tập, nơi ở, thu nhập khi nhận nuôi con nên chưa có cơ sở để khẳng định việc giao con cho nguyên đơn nuôi dạy sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trong khi các cháu hiện đang chung sống cùng nhà với bị đơn và đang đi học. Hơn nữa, việc giải quyết cho các đương sự ly hôn phần nào gây xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu và xét về điều kiện nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn có điều kiện hơn so với nguyên đơn nên có căn cứ để xác định việc giao con cho bị đơn nuôi là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Vì vậy, yêu cầu nhận nuôi con của nguyên đơn không được chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng bị đơn không yêu cầu – Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của bị đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tuy các đương sự trình bày không thống nhất với nhau về việc có hay không có tài sản chung nhưng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân, không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị N và anh Hồng Văn T.

- Về con chung là Hồng Như Huỳnh, sinh ngày 28/02/2004, Hồng Nhật Phương, sinh ngày 20/11/2006 và Phạm Hồng Thị Bích Vân, sinh ngày 25/8/2016

(lấy họ mẹ). Hiện cháu Huỳnh đã có gia đình, có cuộc sống riêng nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con nên không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Hồng Nhật Phương và cháu Phạm Hồng Thị Bích Vân, hiện các cháu đang chung sống cùng với anh Hồng Văn T. Khi ly hôn, tiếp tục giao các cháu cho anh T nuôi, không đặt ra yêu cầu chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Chị N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và nuôi dạy con chung.

- Về tài sản chung, chị Phạm Thị N và anh Hồng Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Phạm Thị N và anh Hồng Văn T khai không có nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Phạm Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 11/10/2024, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003922 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân